TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2026/KDTM-PT
Ngày 05-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 270/2025/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại".

Do Bản án kinh doanh thương mại số 03/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1088/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 3991/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần K; địa chỉ trụ sở: Số B lô A đường Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: số C, đường F, khu dân cư H, tổ A, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần S2; địa chỉ trụ sở: Số C đường T, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thụy Hồng T1, sinh năm 1974; địa chỉ: số F, đường C, khu phố G, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/12/2025); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, là Luật sư của Văn phòng L2 – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: số E, N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần S3 (PP2); địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là phường A, thành phố Hải Phòng); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Số A B đường V, phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

3. Công ty TNHH X; địa chỉ: Số A đường B, khu dân cư T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

4. Công ty TNHH M; địa chỉ: Số D đường N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

5. Công ty TNHH X1; địa chỉ: Số A đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

6. Công ty CP Đ1; địa chỉ: Số B, Ngõ C, phố N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số I, Tổ B, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường V, Thành phố Hà Nội); vắng mặt.

7. Tổng công ty Đ2 (tên cũ: Tổng công ty Đ3); trụ sở tại: Số H đường H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Công ty Cổ phần K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2013 và các lời khai có tại hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Bùi Thị L1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Công ty Cổ phần K (TDC) (sau đây gọi tắt là Công ty T2) là nhà thầu chính thi công công trình nhà ở an sinh xã hội do Tổng Công ty Đ3 (B1) là chủ đầu tư. Công ty T2 và Công ty B1 đã ký các hợp đồng thầu thi Công xây dựng gồm:

1. Hợp đồng số 01B3/HĐTCXD/2012 để thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện trong nhà đối với khu nhà ở an sinh xã hội khu V với các lô gồm Al-1; A 1-2; A1-3; A1-4; A1-5. Địa điểm Công trình T, T, Bình Dương.

2. Hợp đồng số 01B2/HĐTCXD/2012 để thi công xây dựng phần thô và hoàn thiên trong nhà đối với khu nhà ở an sinh xã hội khu A, M với các lô gồm A (1-5); C (1-4); C (5-7). Địa điểm công trình: Mỹ Phước (nay là T), B, Bình Dương.

3. Hợp đồng số 01B1/HĐTCXD/2012 để thi công xây dựng phần thô và hoàn thiện trong nhà đối với khu nhà ở an sinh xã hội khu H cụ thể gồm dây N1 (A1; A3; A4; A6); N2 (A2-1; A2-2; A5-1; A5-2); N3 (A2-3; A2-4: A2-5; A2-6; A5-3; A5-4;A5-5; A5-6), địa điểm công trình tại phường H, thành phố T, Bình Dương.

Để thi công đối với phần sơn nước trong và ngoài nhà Công ty T2 đã ký kết các hợp đồng với các nhà thầu thi công sơn nước và bột trét trong và ngoài nhà cụ thể gồm:

1. Hợp đồng thi công xây dựng số 03B1/HĐTCXD/2012 với Công ty CP Đ để thi công hạng mục nhà A1.1; A1.2 của khu V.

2. Hợp đồng thi công xây dựng số 03B2/HĐTCXD/2012 với Công ty CP Đ để thi công hạng mục nhà A1.3; A1.4; A1.5 của khu V1.

3. Hợp đồng thi công xây dựng số 01A1/HĐTCXD/2012 với Công ty TNHH X1 để thi công các dãy gồm: dây N1 (A1; A3; A4); dãy N2 (A2-1; A2-2; A5-1; A5-2); Dây N3 (A2-3; A2-4; A2-5; A2-6; A5-3; A5-4; A5-5; A5-6) của khu dân cư H.

4. Hợp đồng thi công xây dựng số 01D3/HĐTCXD/2012 với Công ty TNHH X để thi công hạng mục nhà lô A1, A2 của khu M.

5. Hợp đồng thi công xây dựng số 03F/HĐTCXD/2012 với Công ty TNHH M1 để thi công hạng mục nhà lô A5 của khu M.

Sau khi ký các hợp đồng với nhà thầu thi công được nêu tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 nói trên, ngày 27/8/2012 TDC có ký kết hợp đồng mua bán số 27/2012/TDC-PV PAINT với Công ty Cổ phần S2 (PV PAINT) (sau đây gọi tắt là Công ty S2) về việc cung cấp sơn, bột trét để thi công cho công trình nhà ở an sinh xã hội nêu trên. Nội dung hợp đồng thỏa thuận các ý chính sau:

Chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất;

Giao hàng tại kho bên A chỉ định thuộc khu vực Bình Dương (trên thực tế có giao tại công trường);

Bên B chịu trách nhiệm cử cán bộ hướng dẫn kỹ thuật cho bên A thi công,

Trước khi sử dụng sơn, bột trét của Công ty S2 trên toàn bộ công trình phía Công ty T2 đã yêu cầu đơn vị cung cấp sơn thử trên dãy nhà A1, A3 khu nhà ở an sinh xã hội khu dân cư Hoà Lợi đối với bột trét nhân hiệu SOLUX trong nhà và ngoài trời, sơn lót nhãn hiệu Semax Primer 2 DK, S lót ngoài nhà nhân hiện Vimax E, S lót trong nhà Vimax DK, S trần nhà Vimax D. Chất lượng sản phẩm sơn và bột trét thử nghiệm đạt yêu cầu của chủ đầu tư (có biên bản

đánh giá), từ cơ sở này Công ty T2 mới quyết định lấy hàng để sử dụng ở các công trình. Cụ thể như sau:

Tại khoản 2, điều 5 của hợp đồng có ghi rõ bên B (Công ty S2) phải cử cán bộ kỹ thuật đến tại công trình để hướng dẫn kỹ thuật cho bên A (Công ty T2). Nếu bên A thi công sai hướng dẫn thì bên A chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm. Ngoài ra bên B yêu cầu bên A sử dụng sản phẩm theo đúng hướng dẫn trên bao bì và theo tài liệu hướng dẫn kỹ thuật do bên B cung cấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 13/9/2012 đến ngày 30/5/2013, Công ty T2 có mua của Công ty S2, tổng cộng:

Bột trét ngoài nhà S1: số lượng 2.555 bao;

Bột trét trong nhà S1: số lượng 6.541 bao;

Mua tổng số sơn lót, sơn phủ trong và ngoài nhà: số lượng 2.220 thùng,

Tổng giá trị hàng hóa là 1.859.916.590 đồng (có 30 hóa đơn).

Tuy nhiên sau khi sử dụng sơn và bột trét của Công ty S2 cung cấp nêu trên để sơn lên công trình lại xuất hiện sự bong tróc từng mảng, đôi chỗ chỉ cần xịt nước lên lấy tay chà vào tường sơn sẽ bong ra, sự số này xảy ra tại các công trình sau:

Tại khu nhà ở an sinh xã hội khu công nghiệp V: lô A1.1 có diện tích là 19.065m², Lô A1.2 có diện tích: 19.065m², Lô A có diện tích: 8.734m², Lô A có diện tích: 8.734m², Lô A có diện tích: 8.734m², sau khi trét bột và sơn đã bị hư hỏng xuống cấp toàn bộ các lô đã trét bột và sơn, tổng cộng: 64.334m².

Tại khu nhà ở an sinh xã hội khu công nghiệp M: lô A2 có diện tích: 27.159,030m², Lô A có diện tích: 27.159,030m², sau khi trét bột và sơn đã bị hư hỏng xuống cấp toàn bộ các lô đã trét bột và sơn. Tổng cộng: 54.318m².

Việc thương lượng nhưng không đạt được kết quả vì phía Công ty S2 cố tình lẩn tránh trách nhiệm nên để kịp thời khắc phục sự cố theo yêu cầu của Chủ đầu tư TDC đã thuê các đơn vị thi công cạo bỏ lớp sơn, bột trét từ sản phẩm của Công ty S2 cung cấp và lót lại lớp sơn mới. Theo đó:

Ngày 04/3/2013 Công ty T2 ký phụ lục số 03A1/PLHD/2013 giá trị phụ lục là 3.405.255.036 đồng và phụ lục số 03A2/PLHĐ/2013 giá trị phụ lục là 2.198.452.316 đồng, để Công ty Cổ phần Đ khắc phục sự cố sơn, bột trét tại toàn bộ khu nhà ở an sinh xã hội B - khu công nghiệp V, tổng giá trị là 5.603.707.352 đồng. Diện tích phải sơn và trét bột lại là 50.247,12m², giá trị thi công mỗi mét vuông là 111,522,96 đồng/1m².

Ngày 04/3/2013 Công ty T2 ký phụ lục số 03A3/PLHD/2013 với Công ty TNHH X1 khắc phục sự cố sơn, bột trét tại nhà ở an sinh xã hội B - Khu dân cư H, Dây N (A 2.1; A 2.2; A 5.2) dây N3 (A.2.4; A 2.5; A 2.6; A 5.3) hành làng nổi các khu nhà tại H, Tổng diện tích cạo và trét bột lại là 45.687,203m², diện tích sơn lại là 1.370.366m², tổng giá trị thị công bột trét, sơn lại và cạo bỏ phần lớp cũ là 5.013.869.000 đồng.

Ngày 05/5/2013 Công ty T2 ký phụ lục số 06A/PLHĐ/2013 với Công ty X khắc phục sự cố sơn, bột trét tại nhà ở an sinh xã hội B - khu công nghiệp M, Lô A, diện tích trét bột lại là 27.159m², diện tích sơn lại là 1.382m². Tổng giá trị thi công bột trét, sơn lại và cạo bỏ phần lớp cũ là 2.961.448.000 đồng

Ngày 12/5/2013 Công ty T2 ký phụ lục số 07A/PLHD/2013 với Công ty M để khắc phục sự cố đối với Lô A5 của Khu nhà ở Khu Công nghiệp M, diện tích trết bột là 5.118m². Tổng giá trị thi công lại bột trét, sơn lại và cạo bỏ lớp cũ 602.697.136 đồng

Tổng cộng diện tích hư hỏng thực tế là 130.963,689m^2

Tổng chi phí khắc phục sự cố là 14.181.721.488 đồng. Sau nhiều lần thương lượng thì giữa Công ty T2 và Công ty S2 không thỏa thuận được. Sau sự cố xảy ra Công ty T2 trả lại cho Công ty S2:

+ Bột trét ngoài nhà S1: 16 bao;

+ Bột trét trong nhà S1: 04 bao;

+ S lót, sơn phủ: 549 thùng.

Như vậy, thực tế sau khi trả lại hàng Công ty T2 có mua của Công ty S2 và đã sử dụng với giá trị thành tiền 1.859.916.589 đồng, số tiền Công ty T2 đã thanh toán là 858.574.500 đồng Công ty T2 còn thiếu Công ty S2 số tiền là 802.933.461 đồng.

Nay, Công ty T2 khởi kiện buộc Công ty S2 bồi thường số tiền 14.181.721.488 đồng. Công ty T2 đồng ý trả cho Công ty S2 số tiền mua hàng hoá còn thiếu là 802.933.461 đồng khi Công ty S2 đồng ý bồi thường thiệt hại. Công ty T2 yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu tính lãi của Công ty S2.

[2] Theo đơn phản tố của bị đơn 14/02/2014, các đơn phản tố bổ sung ngày 14/4/2021, ngày 25/4/2022, ngày 27/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty S2 – bà Nguyễn Thụy Hồng T1 trình bày:

Ngày 01/01/2012, Công ty S2 có ký Hợp đồng nguyên tắc với Công ty Cổ phần S3 số 02 về việc cung cấp sơn cho công trình nhà ở an sinh xã hội.

Ngày 30/5/2012, Công ty S2 chào hàng và gửi quy trình thi công sơn cho Công ty T2. Ngày 01/8/2012, Công ty S2 tiếp tục gửi các bản công bố tiêu chuẩn chất lượng của các loại bột trét và các loại sơn cho Công ty T2. Ngày 15 và 16/8/2012, Công ty T2 và Công ty S2 đã tiến hành sử dụng thử bột trét và sơn để kiểm tra chất lượng.

Ngày 27/8/2012, Công ty T2 và Công ty S2 tiến hành ký kết Hợp đồng số 27/2012/TDC-PV PAINT để Công ty S2 bán sơn và bột trét cho Công ty T2.

Trong các ngày 20 và ngày 21/10/2012, Công ty T2, Công ty thi công do Công ty T2 thuê và Công ty S2 đã tiến hành thử nghiệm các loại bột trét và sơn. Kết quả là các loại bột trét và sơn này đạt chất lượng yêu cầu. Ngày 05/11/2012,

Công ty T2 và Công ty S2 có họp và đưa ra văn bản chấp thuận chất lượng bột trét, sơn và bảo hành sơn trong thời gian 02 năm.

Từ ngày 13/9/2012 đến ngày 30/5/2013, Công ty S2 đã bán cho Công ty T2 sơn, bột trét có tổng giá trị 1.859.916.589 đồng. Công ty T2 trả cho Công ty S2 858.574.500 đồng. Từ ngày 01/5/2013 đến 24/5/2013, Công ty T2 có trả cho Công ty S2 03 hàng hoá tương ứng với hóa đơn với giá trị 198.408.628 đồng và còn nợ lại số tiền là 802.933.461 đồng.

Về nguyên tắc, do kết quả giám định chất lượng của Công ty T2 cung cấp là do Công ty T2 tự lấy mẫu đem đi giám định chất lượng là không đủ tin cậy. Tuy nhiên, Công ty S2 vẫn đồng ý sử dụng kết quả này và chấp nhận là sản phẩm bột trét Solux do Công ty S2 cung cấp cho Công ty T2 có "thời gian đông kết" không đạt chỉ tiêu "không muộn hơn 450 phút" theo tiêu chuẩn Việt nam – TCVN2003. Cụ thể, bột trét Solux ngoài trời đông kết ở phút 470 (chậm hơn 20 phút so với quy định) và bột trét Solux trong nhà đông kết ở phút 480 (chậm hơn 30 phút so với quy định).

Tuy nhiên, Công ty S2 vẫn bảo lưu quan điểm không có bằng chứng chứng minh rằng thời gian đông kết muộn hơn từ 20 phút đến 30 phút so với TCVN của bột trét S1 mà dẫn đến tường bong tróc, hư hỏng.

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cho rằng đã sử dụng toàn bộ số sơn của Công ty S2 cho các công trình sau:

+ Công trình tại Khu Công nghiệp V gồm: Lô A1.1 có diện tích là 19.065m^2; A1.2 có diện tích là 19.065m^2; A1.3 có diện tích là 8.734m^2; A1.5 có diện tích là 8.734m^2. Tổng cộng là 64.334m^2.

+ Công trình tại khu công nghiệp M gồm: Lô A có diện tích 27.159,030m^2 (làm tròn 27.159m^2); lô A5 có diện tích 27,159.030m^2 (làm tròn 27.159m^2). Tổng cộng là 54,318m^2.

+ Công trình tại H gồm: Lô N (A2-1) có diện tích 26.494,770m^2 (làm tròn 26.495m^2); lô N2(A2-2) có diện tích là 26.494,770m^2 (làm tròn 26.495m^2), lô N2(A5-2) là 26.494,770m^2 (làm tròn 26.495m^2); lô N3(A2-4) là 8.728m^2, (A2-5) là 8.728m^2, A2.6 là 8.728m^2, A5.3 là 8.728m^2. Tổng cộng là 175.804m^2.

Công ty S2 không xác định được Công ty T2 có sử dụng toàn bộ bột trét và sơn đã mua của Công ty S2 cho các Công ty trên hay không. Theo hướng dẫn "thi công bột bả và sơn ngày 13/9/2012" của Công ty S2 gửi Công ty T2 thì độ phủ trung bình 1kg là trong khoảng từ 06-1m^2 (0,6-1m^2/kg). Nhưng thực tế khi thi công thế nào thì Công ty S2 không thể biết.

Vào ngày 04/03/2012, Công ty T2 phát hành công văn số 31/2013/CV-KDPT gửi Công ty S2. Trong đó có nội dung: *"TDC sẽ thuê đơn vị giám định thiệt hại độc lập và mời đại diện của PV Paint lên cùng tiến hành giám định thiệt hại…. làm cơ sở tính lại chi phí để buộc PV Paint đền bù chi phí thiệt hại này".* Tuy nhiên, từ sau ngày 04/03/2012 Công ty T2 hoàn toàn không mời

Công ty S2 để hai bên cùng tiến hành bất cứ công việc gì (như giám định thiệt hại hay lấy mẫu hàng hóa đi giám định).

Vì vậy việc Công ty T2 mang mẫu bột trét tường nhãn hiệu "SOLUX" đến Trung tâm 3 yêu cầu giám định chất lượng là việc làm đơn phương của Công ty T2, hoàn toàn không có sự tham gia, chứng kiến, hay ký biên bản lấy mẫu từ phía Công ty S2. Và nó được Công ty T2 thực hiện vào ngày 21/03/2012 (ngày nộp mẫu hàng hóa yêu cầu giám định cho Trung tâm 3), đến ngày 06/05/2012 thì có kết quả giám định.

Công Ty S2 hoàn toàn không biết gì về việc Công ty T2 mang mẫu bột trét tường "SOLUX" đi giám định tại T, Công ty S2 chỉ biết được kết quả giám định kỹ thuật số 030/N6.13/ĐG/2 ngày 6/5/2013 khi sao chụp hồ sơ khởi kiện của Công ty T2 tại Tòa án nên không đồng ý kết quả giám định của Trung Tâm C.

Đối với nợ gốc: Trong quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng mua bán số 27/2012/TDC-PV PAINT ký ngày 27/08/2012, Công ty C1 đã bán sơn nước, bột trét tường cho Công ty T2 và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là: 1.859.916.589 đồng.

Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty S2 một phần tiền hàng trị giá: 858.574.500 đồng và Công ty có nhận lại một phần hàng hóa (hàng trả lại) từ Công ty T2 trị giá: 198.408.628 đồng. Do vậy, Công ty T2 còn nợ Công ty S2 số tiền nợ gốc là: 802.933.461 đồng.

Đây được xác định là vụ kiện mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn "bồi thường thiệt hại". Căn cứ và cơ sở pháp lý duy nhất mà nguyên đơn đưa ra để yêu cầu bị đơn có trách nhiệm "Bồi thường thiệt hại" là vì: "Bột bả" hay "Bột trét tường" (nhãn hiệu SOLUX) mà bị đơn cung cấp cho nguyên đơn là hàng kém chất lượng *("không đạt tiêu chuẩn về độ đông kết"- như nêu tại trang 2 của Đơn khởi kiện ngày 31/07/2013 của Nguyên đơn).* Từ đó đến nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên "căn cứ và cơ sở khởi kiện này", mà không có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nào thêm.

Nguyên đơn cho rằng B trét tường không đạt tiêu chuẩn về độ đông kết là hàng kém chất lượng là không có căn cứ, chứng cứ chứng minh điều này là Công văn số 56/CV-KĐ của Công ty K1 *(trả lời công văn số:06/TA-DS ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân TP Thủ Dầu Một).* Tại điểm (d) mục số 2 Công văn số 56/CV-KĐ nêu: *[d/ Kết quả giám định của Trung tâm C, ngày 06/05/2013 cho biết bột trét không đảm bảo thời gian đông kết (lâu hơn 20 phút so với qui định là 450 phút). Điều này không đồng nghĩa là sản phẩm không đảm bảo chất lượng].*

Như vậy việc nguyên đơn cáo buộc sản phẩm của bị đơn cung cấp là sản phẩm "Không đảm bảo chất lượng" hay "Kém chất lượng" là chưa có cơ sở vững chắc.

Ngoài ra, kể cả khi nguyên đơn chứng minh được rằng sản phẩm của bị đơn cung cấp là sản phẩm "Không đảm bảo chất lượng" hay "Kém chất lượng",

thì căn cứ Điều 303 Luật thương mại 2005 qui định: trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có đủ các yếu tố sau đây:

1. Có hành vi vi phạm hợp đồng;

2. Có thiệt hại thực tế;

3. Hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại.

Cho đến nay, nguyên đơn vẫn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khách quan, để chứng minh được rằng Bột trét tường không đạt tiêu chuẩn về độ đông kết chính là nguyên nhân trực tiếp gây ra tình trạng tường bị bong tróc, nứt nẻ, theo qui định tại khoản 3 Điều 303 Luật Thương mại. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại của nguyên đơn.

Đối với lãi chậm thanh toán: Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 27/2012/TDC-PV PAINT ngày 27/08/2012, thì Bên mua (Công ty T2) có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bên bán (Công ty S2) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nếu quá thời hạn này, thì Bên mua sẽ phải trả lãi suất chậm thanh toán mức 0,05% một ngày, tức 18% một năm.

Tính theo ngày của Hóa đơn GTGT cuối cùng (tại Bảng kê hóa đơn GTGT trên đây), tức là 30/05/2013, thì tất cả khoản nợ đến hạn mà Bên mua phải thanh toán cho Bên bán là đến hết ngày 30/06/2013 theo qui định Hợp đồng. Bắt đầu từ 01/07/2013 là áp dụng lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên Công ty S2 quyết định chỉ bắt đầu tính thời gian chậm thanh toán đối với nguyên đơn từ ngày 01/01/2014 là có lợi và giảm nhẹ nghĩa vụ cho nguyên đơn, nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao, hướng dẫn mức lãi suất tiền vay, chậm thanh toán do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất tối đa do pháp luật dân sự quy định vào từng thời kỳ. Nên Công ty S2 chia thời gian tính lãi chậm thanh toán thành hai giai đoạn.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 thì Công ty S2 không chấp nhận. Công ty S2 yêu cầu Công ty T2 trả hết số tiền còn thiếu là 802.933.461 đồng và Công ty S2 yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 01/01/2014 đến ngày 01/01/2017 với mức lãi là 13,5% năm, tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18%/năm, căn cứ vào thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 27/2021/TDC-Pvpaint ngày 27/8/2012.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1]. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 25/02/2016; đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/12/2017, người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần S3 trình bày: Các sản phẩm bột trét hiệu Solux mà Công ty Cổ phần S3 (gọi tắt là Công ty S3) đã phân phối cho Công ty S2 để cung cấp cho dự án nhà ở xã H Bình Dương được sản xuất bởi Công ty cổ phần Đ1. Chất lượng sản phẩm phụ thuộc vào quá trình sản xuất. Công ty S3 chỉ là bên mua sản phẩm bột trét từ Công ty Đ1 và phân phối lại cho Công ty S2 để cung cấp cho dự án nhà ở xã H Bình

Dương.

[3.2]. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 31/12/2014 và ngày 19/12/2017, người đại diện hợp pháp của Công ty Đ trình bày: Ngày 25/4/2012, Công ty cổ phần Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) có ký hợp đồng thi công xây dựng số 03B1/HĐTCXD/2012 và ngày 07/5/2012 Công ty Đ có ký hợp đồng xây dựng số 03B2/HĐTCXD/2012 với Công ty T2 về việc thi công nhà ở xã hội tại Khu dân cư V.

Công ty Đ đã tiến hành thi công theo đúng thoả thuận của hợp đồng, đúng tiêu chuẩn, kỹ thuật, hạng mục sơn nước do Công ty S2 giám sát.

Quá trình thi công, Công ty Đ nhận thấy vật tư sơn nước do Công ty S2 cung cấp là sản phẩm kém chất lượng không bám dính. Phía chủ đầu tư đã yêu cầu tạm ngưng thi công và khảo sát thực tế. Kết quả kiểm tra là toàn bộ hạng mục liên quan đến sơn nước đều bị bong tróc nên phía Công ty T2 đã có những cuộc họp phản ánh lại với Công ty S2.

Ngày 04/3/2013, Công ty T2 và Công ty Đ đã ký phụ lục hợp đồng số 03A1/PLHĐ/2013 và phụ lục hợp đồng số 03A2/ PLHĐ/2013 để cạo bỏ và làm lại toàn bộ khối lượng công trình với nguồn sơn và bột trét do đơn vị khác cung cấp. Công ty Đ đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng hợp đồng. Công ty Đ không nhận được bất kỳ phản ánh nào từ Công ty S2 và Công ty T2 về việc thi công không đúng kỹ thuật nói chung và thi công sơn, bột trét nói riêng. Công ty Đ không chịu trách nhiệm về những vấn đề tranh chấp giữa Công ty T2 và Công ty S2.

[3.3]. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 16/10/2014 và ngày 19/12/2017, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH X trình bày: Ngày 15/3/2012, Công ty TNHH X (Sau đây gọi là Công ty X) có ký hợp đồng thi công xây dựng số 01D3/HĐTCXD/2012 với Công ty T2 về việc thi công nhà ở xã hội tại M. Sau khi ký kết hợp đồng và nhận bàn giao địa điểm công trình để thực hiện, Công ty X đã thực hiện theo đúng hợp đồng, đúng các tiêu chuẩn, kỹ thuật do Công ty T2 ban hành dưới sự giám sát của Công ty S2. Hợp đồng đã được hoàn tất và thanh lý.

Công ty X được biết Công ty S2 cung cấp sản phẩm Sơn kém chất lượng, nên Công ty T2 đã họp với Công ty S2 về việc khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại. Tháng 05/2013, Công ty X đã nhận được yêu cầu của Công ty T2 về việc kiểm tra công tác sơn nước tại công trình mà mình đang thi công. Sau khi kiểm tra, toàn bộ công trình đã hoàn thành liên quan đến phần sơn nước đều bị bong tróc trầm trọng. Ngày 05/5/2013, Công ty T2 và Công ty X đã ký phụ lục hợp đồng số 06A/PLHĐ/2013 để cạo bỏ và làm lại toàn bộ khối lượng công trình với nguồn sơn và bột trét do đơn vị khác cung cấp. Sau khi hoàn tất việc thi công theo phụ lục hợp đồng, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty X số tiền là 2.961.448.000 đồng. Việc tranh chấp giữa Công ty T2 và Công ty S2 chỉ liên quan đến nội dung hợp đồng cung cấp sản phẩn sơn kém chất lượng. Công ty X đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty T2. Quá trình thi công, Công ty X không

nhận được bất kỳ phản ánh nào từ Công ty S2 và Công ty T2 về việc thi công không đúng kỹ thuật nói chung và thi công sơn, bột trét nói riêng nên Công ty X không có trách nhiệm về những vấn đề tranh chấp giữa Công ty T2 với Công ty S2.

[3.4]. Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 22/12/2014 và ngày 18/12/2017, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH M trình bày: Ngày 23/5/2012, Công ty M có ký hợp đồng thi công xây dựng số 003F/HĐTCXD/2012 với Công ty T2 về việc thi công nhà ở xã hội tại M. Sau khi ký kết hợp đồng và nhận bàn giao địa điểm công trình để thực hiện, Công ty M đã thực hiện theo đúng hợp đồng, đúng các tiêu chuẩn, kỹ thuật do TDC ban hành dưới sự giám sát của Công ty S2. Hợp đồng đã được hoán tất và thanh lý.

Công ty M được biết Công ty S2 cung cấp sản phẩm S, bột bả kém chất lượng, nên Công ty T2 đã họp với công ty S2 về việc khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại. Tháng 05/2013, Công ty M đã nhận được yêu cầu của Công ty T2 về việc kiểm tra công tác sơn nước tại công trình mà mình đang thi công. Sau khi kiểm tra, toàn bộ công trình đã hoàn thành liên quan đến phần sơn nước đều bị bong tróc trầm trọng. Ngày 12/5/2013, Công ty T2 và Công ty M đã ký phụ lục hợp đồng số 07A/PLHĐ/2013 để cạo bỏ và làm lại toàn bộ khối lượng công trình với nguồn sơn và bột trét do đơn vị khác cung cấp. Sau khi hoàn tất việc thi công theo phụ lục hợp đồng, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty M số tiền là 602.697.136 đồng.

Việc tranh chấp giữa Công ty T2 và Công ty S2 chỉ liên quan đến nội dung hợp đồng cung cấp sản phẩn sơn kém chất lượng. Công ty M đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty T2. Quá trình thi công, Công ty M không nhận được bất kỳ phản ánh nào từ Công ty S2 và Công ty T2 về việc thi công không đúng kỹ thuật nói chung và thi công sơn, bột trét nói riêng nên Công ty M không có trách nhiệm về những vấn đề tranh chấp giữa Công ty T2 với Công ty S2.

[3.5]. Theo tờ trình ngày 29/12/2014 và văn bản trình bày ý kiến ngày 18/12/2017, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH X1 trình bày: Ngày 12/01/2012, Công ty TNHH X1 (sau đây gọi là Công ty X1) có ký hợp đồng thi công xây dựng số 01A1/HĐTCXD/2012 với Công ty T2 về việc thi công nhà ở xã hội tại Khu dân cư H.

Sau khi ký kết hợp đồng và nhận bàn giao địa điểm, mặt bằng, Công ty X1 đã thực hiện theo đúng hợp đồng, đúng các tiêu chuẩn, kỹ thuật. Công ty X1 được biết Công ty S2 cung cấp sản phẩm S, bột bả kém chất lượng, nên Công ty T2 đã họp với Công ty S2 về việc khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại. Công ty X1 đã nhận được yêu cầu của Công ty T2 về việc kiểm tra công tác sơn nước tại công trình mà mình đang thi công. Sau khi kiểm tra, toàn bộ công trình đã hoàn thành liên quan đến phần sơn nước đều bị bong tróc trầm trọng. Ngày 04/3/2013, Công ty T2 và Công ty X1 đã ký phụ lục hợp đồng số 03A3/PLHĐ/2013 để cạo bỏ và làm lại toàn bộ khối lượng công trình. Sau khi hoàn tất việc thi công theo phụ lục hợp đồng, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty X1 số tiền là 5.013.869.000 đồng.

Việc tranh chấp giữa Công ty T2 và Công ty S2 chỉ liên quan đến nội dung hợp đồng cung cấp sản phẩm sơn kém chất lượng. Công ty X1 đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty T2. Quá trình thi công, Công ty X1 không nhận được bất kỳ phản ánh nào từ Công ty S2 và Công ty T2 về việc thi công không đúng kỹ thuật nói chung và thi công sơn, bột trét nói riêng. Công ty X1 không có trách nhiệm về những vấn đề tranh chấp giữa Công ty T2 với Công ty S2.

[3.6]. Đối với Công ty Cổ phần Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng luôn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Công ty Cổ phần Đ1.

[3.7] Tổng công ty Đ2 (tên cũ: Tổng công ty Đ3) trình bày: Qua xem xét, Tổng Công ty Đ3 xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án tranh chấp nêu trên, vì vậy bằng văn bản này Tổng Công ty đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại số 03/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần K về việc buộc Công ty Cổ phần S2 phải bồi thường thiệt hại số tiền là: 14.181.721.488 đồng;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần S2 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

2.1. Buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Công ty Cổ phần S2 số tiền gốc là: 802.933.416 đồng.

2.2. Đình chỉ yêu cầu giải quyết tiền lãi của bị đơn Công ty Cổ phần S2 đối với nguyên đơn Công ty Cổ phần K.

2.3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thanh toán, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 31/7/2025 nguyên đơn Công ty Cổ phần K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án

sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần K được thực hiện trong thời hạn luật định, nên việc kháng cáo là hợp lệ.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH X, Công ty TNHH M, Công ty TNHH X1 và Công ty Cổ phần Đ1; Công ty Cổ phần Đ đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đối với Công ty Cổ phần S3 (PP2) và Tổng công ty Đ2 đã có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố yêu cầu tính lãi của bị đơn vì thời hiệu khởi kiện đã hết. Xét thấy, theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2013 đến ngày bị đơn có đơn phản tố yêu cầu tính tiền lãi chậm trả là ngày 14/4/2021 là quá thời gian 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên yêu cầu này của bị đơn đã quá thời hiệu theo quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu tính lãi của bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Các bên đương sự thống nhất những nội dung sau: Về việc giao kết và thực hiện hợp đồng: Giữa Công ty T2 với Công ty S2 ký kết Hợp đồng kinh tế số 27/2012/TDC-PV PAINT ngày 27/8/2012, theo đó Công ty S2 thực hiện cung cấp hàng hóa cho Công ty T2 là sơn lót Semax Premer 2DK, sơn ngoài nhà Vimax EX DK, sơn trong nhà V2, bột bả trong và ngoài nhà để thi công cho các

công trình của Công ty T2. Số lượng, giá trị theo từng đơn đặt hàng. Công ty S2 đã cung cấp cho Công ty T2 số lượng hàng hóa như sau:

- Bột trét ngoài S1: Số lượng đã giao theo hóa đơn là 2.555 bao;

- Bột trét trong nhà S1: Số lượng 6.541 bao;

- Mua tổng số sơn, lót sơn phủ trong và ngoài nhà: Số lượng 2.220 thùng.

Sau sự cố xảy ra Công ty T2 trả lại cho Công ty S2: Bột trét ngoài nhà S1. 16 bao; bột trét trong nhà S1: 04 bao; sơn lót, sơn phủ: 549 thùng. Có tổng 30 hóa đơn bán hàng kèm theo với số tiền 1.859.916.590 đồng, Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty S2 là 858.574.500 đồng và giá trị hàng hóa đã hoàn trả cho Công ty S2 là 198.408.629 đồng, Công ty T2 còn thiếu Công ty S2 giá trị hàng hóa số tiền là 802.933.461 đồng và đồng ý thanh toán cho Công ty S2 số tiền còn thiếu với yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Những nội dung các đương sự đã thống nhất là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại là chi phí khắc phục hậu quả từ việc bị đơn cung cấp sản phẩm sơn, bột trét kém chất lượng với số tiền 14.181.721.488 đồng. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không vi phạm chất lượng hàng hóa mà do nhà thầu thi công không đúng quy trình kỹ thuật dẫn đến những thiệt hại chất lượng bột trét bị vỡ, bong tróc, bột mềm, độ bám dính của bột và sơn không đạt yêu cầu.

[3.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá khách quan lời khai của đương sự, hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn.

Xét thấy, quá trình thi công, nguyên đơn đã sử dụng 2.539 bao bột trét ngoài nhà hiệu Solux; 6.537 bao bột trét trong nhà hiệu Solux và 1.761 thùng sơn lót, sơn phủ (trong và ngoài nhà) vào các công trình: Công trình nhà ở an sinh xã hội tại Khu công nghiệp V; Công trình nhà ở an sinh xã hội tại Khu công nghiệp M và Công trình nhà ở an sinh xã hội tại Khu dân cư H. Tuy nhiên, sau khi thi công xong thì tại các công trình nêu trên xảy ra hiện tượng tường bị nứt, nẻ, bong tróc, phồng rộp nên để khắc phục sự cố, đảm bảo tiến độ thi công công trình nguyên đơn đã phải ký Phụ lục hợp đồng với Công ty Cổ phần Đ, Công ty TNHH X, Công ty TNHH M và Công ty TNHH X1 để thực hiện việc cạo bỏ toàn bộ phần sơn, bột trét cũ và trét bột, sơn lại mới bằng sản phẩm của nhà cung cấp sơn, bột trét khác. Tổng chi phí Công ty T2 đã bỏ ra để khắc phục sự cố là 14.181.721.488 đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty S2 phải thanh toán lại cho Công ty T2 số tiền khắc phục thiệt hại này nhưng phía bị đơn Công ty S2 không đồng ý vì Công ty S2 cho rằng mình không vi phạm hợp đồng, chất lượng hàng hóa Công ty S2 cung cấp là đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Theo nguyên đơn, nguyên nhân xảy ra hiện tượng tường bị nứt, nẻ, bong tróc, phồng rộp là do dùng sơn và bột trét kém chất lượng của Công ty S2. Tại Biên bản đối chất ngày 25/02/2022, đối chất về Thông báo số 184/TB-TDC ngày 22/02/2013 và Công văn số 14/2013/CV/PVPAINT-KD ngày 27/3/2013 nguyên đơn và bị đơn vẫn không thống nhất được về vị trí và số lượng tường bị hư hỏng, Công ty S2 có đề nghị khắc phục nhưng nguyên đơn đã gửi Công văn số 31/2013/CV-KDPT ngày 04/3/20213 phúc đáp sẽ thuê đơn vị thứ 3 sửa chữa và chi phí này do Công ty S2 phải thanh toán lại cho Công ty T2. Tại Thông báo số 14/TB-TA ngày 18/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhật ký công trình, nhật ký thi công để làm rõ việc giám sát nghiệm thu từng giai đoạn có xảy ra hiện tượng sơn bị bong tróc, khi xảy ra hư hỏng Becamex IDC có phiếu yêu cầu sửa chữa không để xác định thiệt hại trên thực tế nhưng nguyên đơn không cung cấp được. Công ty S2 không xác định được Công ty T2 có sử dụng toàn bộ bột trét và sơn đã mua của Công ty S2 đưa cho các Công ty trên hay không. Theo hướng dẫn "thi công bột bả và sơn ngày 13/9/2012" của Công ty S2 gửi Công ty T2 thì độ phủ trung bình 1kg là trong khoảng từ 06-1m^2 (0,6-1m^2/kg) thực tế khi thi công thế nào thì hoàn toàn không xác định được. Xét thấy, theo hướng dẫn thi công thì độ phủ trung bình 1kg là trong khoảng từ 06-1m^2 (0,6-1m^2/kg), tuy nhiên, thực tế khi thi công thế nào thì hoàn toàn không xác định được, do đã được các đơn vị khác cạo bỏ và khắc phục nên không thể tính độ phủ trung bình 1kg là trong khoảng từ 06-1m^2 (0,6-1m^2/kg) để tính ra diện tích bị hư hỏng. Các đơn vị khắc phục đã cung cấp diện tích, khối lượng bị hư hỏng nhưng không thể áp dụng vì đó là các công ty khắc phục tự tính, không được công ty S2 xác nhận và không giám định được. Từ đó, không có cơ sở tính được diện tích hư hỏng, bong tróc thực tế.

Ngày 01/8/2012, Công ty Đ1 đã công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, theo đó B trét trong và ngoài nhà S1 có độ đông kết bắt đầu không sớm hơn 130 phút và kết thúc không muộn hơn 440 phút. Nhưng, theo phiếu kết quả thử nghiệm của Trung tâm kỹ thuật tiêu chẩn đo lường chất lượng 3 ngày 23/01/2013 (mẫu do Công ty S2 cung cấp, BL451-452) thì thời gian đông kết các sản phẩm bột trét trong và ngoài nhà S1 kết thúc lần lượt là 515 phút và 495 phút; theo Thông báo kết quả giám định kỹ thuật số 030/N6.13/ĐG/2 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chẩn đo lường chất lượng 3 ngày 06/5/2013 (mẫu do Công ty T2 cung cấp, BL381) thì thời gian đông kết các sản phẩm bột trét trong và ngoài nhà S1 kết thúc lần lượt là 480 phút và 470 phút. Như vậy, cả 02 mẫu bột trét trong và ngoài nhà S1 do Công ty S2 và Công ty T2 yêu cầu giám định đều cho kết quả là có chỉ tiêu cơ lý "thời gian đông kết" không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo Bảng tiêu chuẩn TCVN 7239:2003. Tuy nhiên, thời gian đông kết lâu hơn chưa khẳng định được sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc các bức tường bị bong tróc, nứt, nẻ, phồng rộp. Tại Công văn số 56/CV-KĐ của Công ty K1 (bút lục 1136) về việc trả lời công văn số 06/TA-DS của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (bút lục 1131) khi trả lời về kết quả giám định của Trung tâm C về thời gian đông kết lâu hơn thì cũng không đồng nghĩa là sản phẩm sơn, bột trét không đảm bảo chất lượng.

Hơn nữa, trước khi ký hợp đồng mua bán, ngày 15 đến ngày 16/8/2012, Công ty T2 và Công ty S2 đã tiến hành sử dụng thử bột trét và sơn để kiểm tra chất lượng; đến ngày 20 và 21/10/2012, Công ty T2 và các Công ty thi công do Công ty T2 thuê và Công ty S2 đã tiến hành thử nghiệm các loại bột trét và sơn, kết quả là các loại bột trét và sơn này đạt chất lượng yêu cầu (BL150), điều này tiếp tục được thể hiện tại các biên bản kiểm soát quy trình và dịch vụ kỹ thuật từ ngày 10/12/2012 đến ngày 02/01/2013 tại khu nhà ở an sinh xã hội M (BL150-180) và biên bản kiểm tra chất lượng sơn tại khu nhà ở an sinh xã hội H từ ngày 15/8/2012 đến ngày 21/10/2012 (BL403-419). Tại biên bản làm việc ngày 04/3/2013 giữa đại diện chủ đầu tư, nhà thầu chính, đại diện thi công và đại diện đơn vị cung cấp vật tư (BL383), chủ đầu tư cho rằng bột trét không đạt chất lượng, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bột trét do Công ty S2 cung cấp không đạt chất lượng.

Theo Thông báo kết quả giám định kỹ thuật số 030/N6.13/ĐG/2 của Trung tâm K2 tiêu chẩn đo lường chất lượng 3 ngày 06/5/2013 (mẫu do Công ty T2 cung cấp, BL381) thể hiện: Mẫu do khách hàng tự thực hiện lấy mẫu và mang đến Trung tâm để giám định, thông báo này chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi đến. Như vậy, việc lấy mẫu mang đến Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 03 là do khách hàng tự lấy mẫu và mang đi giám định, bị đơn không đồng ý với kết quả giám định này vì việc lấy mẫu của nguyên đơn thì bị đơn không biết, nguyên đơn không chứng minh được việc lấy mẫu nào, cách lấy mẫu đúng quy chuẩn không?. Do đó, không thể dùng chứng cứ này để chứng minh là bột trét kém chất lượng.

Về xác định lỗi do quy trình sơn: Theo Điều 5.2 của Hợp đồng mua bán số 27/2012/TDC-PV PAINT ngày 27/08/2012 nguyên đơn, bị đơn có thỏa thuận trách nhiệm của Công ty T2 sử dụng sản phẩm đúng hướng dẫn sử dụng trên bao bì sản phẩm hoặc theo tài liệu kỹ thuật hướng dẫn sử dụng do Công ty S2 cung cấp. Công ty S2 cử cán bộ kỹ thuật đến công trường hướng dẫn kỹ thuật cho Công ty T2. Nếu Công ty T2 sử dụng sai hướng dẫn của Công ty S2 thì Công ty T2 hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm. Theo nội dung biên bản đối chất ngày 25/02/2022, bị đơn trình bày: *"Thực hiện đúng theo hợp đồng, Công ty S2 có cử nhân viên kỹ thuật tên: Phạm Anh V, làm công việc giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho Khách hàng trong quá trình thi công trét bột lên tường và sơn. Tuy nhiên hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ, tất cả các nhà thầu phụ (Công ty X2) được Công ty T2 thuê để thi công trét bột và sơn, đều xác nhận rõ: "Các công ty này đã thực hiện đúng hợp đồng, thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật của cán bộ giám sát do công ty S2 cử ra".* Do đó, về việc xác định lỗi do quy trình kỹ thuật và thi công trét bột không xảy ra.

Căn cứ quy định của pháp luật về nghĩa vụ chứng minh tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc", thấy rằng, quá trình giải quyết, Tòa án yêu cầu

công ty T2 cung cấp chứng cứ là các thông tin trong quá trình thi công, cung cấp diện tích hư hỏng thực tế, công ty T2 có cử giám sát thi công thường xuyên có mặt tại hiện trường để giám sát chất lượng công trình, xác nhận khối lượng công tác thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có; tổ chức nghiệm thu từng giai đoạn, nghiệm thu chuyển bước kỹ thuật, việc nghiệm thu khối lượng căn cứ vào bản vẽ thiết kế được phê duyệt và thực tế thi công tại công trường có xác nhận của tư vấn giám sát. Công ty T2 có trách nhiệm lập sổ nhật ký công trình, nhật ký thi công ghi chép đầy đủ các diễn biến xảy ra trong quá trình thi công theo quy định và được xác nhận của tư vấn giám sát hàng ngày; lập Bảng tiến độ thi công chi tiết từng ngày có sự kiểm tra thực hiện của B1, tuy nhiên Công ty TDC không cung cấp được các chứng cứ nêu trên.

[3.2] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền Công ty T2 mua sơn và bột trét còn thiếu của Công ty S2 là 802.933.461 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Công ty S2 phản tố yêu cầu Công ty T2 phải trả số tiền mua sơn và bột trét còn thiếu là có cơ sở nên được chấp nhận. Việc, Công ty T2 cho rằng, Công ty T2 chỉ đồng ý trả số tiền này khi Công ty S2 bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về số tiền 802.933.461 đồng là có cơ sở.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thể hiện, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Công ty S2 phải trả cho Công ty T2 số tiền là 14.181.721.488 đồng là không có cơ sở. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để xem xét đánh giá.

[4] Từ những nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận, phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần K.

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần K phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009388 ngày 05/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 15;
- TAND Khu vực 15;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa DS, 15b (06).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Văn Luật